TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/DS-PT
Ngày 12-01-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Rẻn

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2023/TLPT-DS ngày 13/11/2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4544/2023/QĐ-PT ngày 25/12/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Cao Văn T, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Cao Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Cao Văn T trình bày:

Ngày 23/4/2022, bà Phan Mỹ V - Chủ Tổ hợp may dưới chân cầu H mượn của ông 50 triệu đồng để mua 05 máy may. Chiều ngày 09/5/2022, bà V cùng với 05 người khác tiếp tục đến nhà ông để vay tiền. Bà V nói những người này là tổ viên trong cùng tổ may có nhu cầu vay tiền nên giới thiệu cho ông, trong đó có bà C. Ông cho mỗi người vay 30.000.000 đồng, không tính lãi.

Trước khi ông đưa tiền, bà C đưa cho ông 01 bản photo sổ hộ khẩu, 01 chứng minh nhân dân bản gốc và đọc cho ông số điện thoại là 0396.178.919. Bà C1 tổ hợp may có lấy lãi của những người này hay không thì ông không biết. Thời hạn vay thỏa thuận là 03 tháng. Sau khi thỏa thuận xong, ông đưa tiền cho bà V nhận rồi đưa lại cho bà C ngay trước mặt ông, sau đó bà V đưa cho ông tờ giấy mà ông đã nộp cho Tòa án. Tờ giấy giấy này là do bà V viết, không phải của bà C viết. Hiện nay, bà V đã trốn khỏi địa phương, không rõ địa chỉ, những người cùng vay với bà C hiện nay ông cũng không biết ở đâu. Ông khẳng định ông kiện bà C, không khởi kiện bà V, ông không cung cấp được địa chỉ hiện nay của bà V.

Do đó, ông khởi kiện yêu cầu bà Chi t lại cho ông số tiền vay 30.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Trần Thị C trình bày :

Bà không có vay mượn tiền của ông T, bà chưa từng gặp mặt ông T, không biết ông T là ai. Chữ viết trong tờ giấy ghi ngày 09/5/2022 mà ông T cung cấp cho Tòa án không phải chữ viết của bà, trong đó cũng không có ai ký tên. Trong tờ giấy có ghi số chứng minh nhân dân là 320152316 và số điện thoại 0396178919 là số chứng minh nhân dân và số điện thoại của bà. Tuy nhiên, chứng minh nhân dân của bà đã mất từ đầu năm 2022 khi bà bị thất lạc giỏ quần áo tại Bến xe B, trong đó có cái bóp nhỏ đựng giấy tờ gồm: Chứng minh nhân dân, 01 bằng lái xe, 01 cà vẹt xe, 01 bảo hiểm y tế, 01 đơn xin việc làm, 01 sổ hộ khẩu bản photo… việc này bà có trình báo Công an. Hai tháng sau, bà đi làm căn cước công dân, bà đã được cấp và mất căn cước này tại Thành phố Hồ Chí Minh, căn cước mà bà xuất trình cho Tòa án là căn cước mới của bà. Các giấy tờ khác bà đều đã làm và được cấp lại.

Do bà không có vay tiền nên không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà trong suốt quá trình tố tụng.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 91/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn T về việc yêu cầu bà Trần Thị C phải trả cho ông số tiền vay là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/9/2023, nguyên đơn ông Cao Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông T trình bày chính bà C là người giao chứng minh nhân dân của bà cho ông giữ khi vay tiền, đồng thời ông Đ là người vay tiền chung cũng làm chứng bà C có vay tiền của ông. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Văn T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 91/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của ông Cao Văn T; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà Trần Thị C có yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà C.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông T căn cứ giấy viết tay ngày 09/5/2022 cho rằng bà C có vay của ông số tiền 30.000.000 đồng nên yêu cầu bị đơn trả lại và không yêu cầu tính lãi. Trong khi đó, bị đơn cho rằng không quen biết, không có vay tiền của ông T nên không đồng ý trả số tiền trên.

[2.2] Xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Đối với tờ giấy tay đề ngày 09/5/2022, ông T cho rằng nội dung giấy này thể hiện bà C có vay của ông số tiền 30.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà C cho rằng chữ viết trong giấy này không phải chữ viết của bà và bà cũng không có ký tên, chính ông T cũng thừa nhận bà C không có viết, ký tên mà người viết là bà V. Bên cạnh đó, ông T cũng cho rằng ông đưa tiền cho bà V để bà V đưa lại cho bà C, ông có nhận 02 tháng tiền lãi là 06 triệu đồng từ bà V. Đối với số chứng minh nhân dân và số điện thoại bà C thừa nhận là của bà nhưng bà cho rằng bà làm mất, không có thế chấp cho ông T để vay tiền như ông T trình bày. Ngoài ra, bản phô tô sổ hộ khẩu của ông Huỳnh Văn C2 cũng không liên quan đến bà C và bà C trình bày cũng không biết ông Huỳnh Văn C2 là ai. Như vậy, ông T khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà C có vay của ông 30.000.000 đồng.

Từ những nhận định trên, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ mới để chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định

của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Cao Văn T phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, ông T là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Văn T;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 91/2023/DS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Cao Văn T về việc yêu cầu bà Trần Thị C phải trả cho ông số tiền vay là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi.

[2] Về án phí: Ông Cao Văn T được miễn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Mỏ Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Tòng